



---

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM



**MỤC LỤC**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....2

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông.....3

Điều 3. Hội đồng quản trị.....6

Điều 4. Tổng Giám đốc.....9

Điều 5. Các hoạt động khác.....10

Điều 6. Hiệu lực thi hành .....12

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam)

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Freco Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Freco Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người liên quan.
3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:
  - a. "**Công ty**" được hiểu là Công ty Cổ phần Freco Việt Nam;
  - b. "**Luật doanh nghiệp**" được hiểu là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - c. "**Luật chứng khoán**" số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - d. "**Nghị định 155/2020/NĐ-CP**" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
  - e. "**Điều lệ công ty**" được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Freco Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2024;
  - f. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
  - g. "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

- h. **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- i. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Freco Việt Nam cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này, trừ những từ ngữ quy định tại Điều này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

**Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

**1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ công ty.**

**2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:**

- a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty;
- b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;
- g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Điểm a Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty;
- h. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;
- i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- j. Cách thức bỏ phiếu: Mỗi cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 (một) lần đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Mỗi thẻ biểu quyết chỉ được thực hiện một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ biểu quyết theo mẫu quy định do Công ty phát cho cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết theo trình tự như sau:

- Biểu quyết Tán Thành;
- Biểu quyết Không Tán Thành;
- Biểu quyết Không có ý kiến.

Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến).

k. Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.

Số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Việc kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải được thực hiện độc lập và trung thực. Những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản phải ghi rõ các nội dung sau:

- i. Tổng số phiếu biểu quyết phát ra, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- ii. Tổng số phiếu thu vào, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- iii. Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề xin ý kiến phải ghi rõ:
  - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
  - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
  - Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không có ý kiến, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- iv. Biên bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia việc kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu

Đối với những vấn đề nhạy cảm và có yêu cầu từ cổ đông, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

- l. Điều kiện để nghị quyết được thông qua được quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty;;
  - m. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
  - n. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
  - o. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
  - p. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.
- 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:**
- a. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty;
  - b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty;

**4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:**

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:  
Cổ đông thực hiện các thủ tục đăng ký dự họp và xác thực danh tính theo hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;  
Cổ đông được yêu cầu cung cấp địa chỉ email, số điện thoại, ảnh chụp hoặc scan giấy tờ tùy thân, một bức ảnh chân dung để hệ thống đánh giá mức độ trùng khớp với ảnh trên giấy tờ;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty và hướng dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d. Điều kiện tiến hành được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty;
- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- g. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến đảm bảo quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều này và Quy chế biểu quyết được ban hành bởi đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty;
- j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty.

**5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:**

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị/ Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông/Chủ tọa phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông tham dự theo hình thức trực tuyến.

Đối với cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp: trình tự, thủ tục sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

Đối với cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến: trình tự, thủ tục sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như trên, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành hoặc yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông xây dựng

thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

**Điều 3. Hội đồng quản trị**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty và Điều 159 Luật doanh nghiệp.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
  - a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty;
  - b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 4 Điều 25 và Khoản 3 Khoản 4 Khoản 5 Khoản 6 Điều 26 Điều lệ công ty;
  - c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty;
  - d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
    - i. Quy định về thẻ/phiếu bầu cử:
      - Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông có một thẻ/phiếu bầu cử;
      - Thẻ/phiếu bầu cử phải có đóng dấu Công ty, họ và tên của cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, số phiếu bầu và danh sách ứng viên.
    - ii. Phương thức bầu:
      - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
      - Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
      - Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau
    - iii. Cách thức kiểm phiếu: Sau khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu có sự giám sát của đại diện cổ đông và báo cáo cho Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.
  - e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
    - i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
      - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
      - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
    - ii. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định trên đây.
- iii. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
  - Trừ hai trường hợp trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất
- f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:
- Hồ sơ ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:
- Văn bản đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty;
  - Bản cung cấp thông tin của người ứng cử/đề cử theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
  - Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;



- b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - c. Thông báo họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - d. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - e. Cách thức biểu quyết được quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - f. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 12 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - g. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - h. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp;
  - i. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị được xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp;
  - j. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp):
- a. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty;
  - b. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:
    - i. Nhiệm kỳ thành viên Ủy ban kiểm toán không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
    - ii. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên.
    - iii. Tiêu chuẩn thành viên Ủy ban kiểm toán được quy định tại Khoản 1 Điều 161 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
    - iv. Cơ cấu của Ủy ban kiểm toán
      - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
      - Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
    - v. Ứng cử, đề cử, thành viên Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty;
  - c. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 39 và Điều 40 Điều lệ công ty.
6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hội đồng quản trị thành lập và ban hành quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
  - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
    - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

- Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
  - c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:
- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty
  - b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất (một) 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp
  - c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành về pháp luật lao động;
  - d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
  - e. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

#### **Điều 4. Tổng Giám đốc**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:
  - a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
    - i. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
    - ii. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
      - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
      - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
  - b. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty;
  - c. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc;
  - d. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
  - e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
  - f. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc thực hiện theo Điều 34 Điều lệ công ty.

**Điều 5. Các hoạt động khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
  - a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty và các nội dung sau đây:
    - Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;
    - Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;
    - Hội đồng quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
    - Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty.
  - b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc  
Trong vòng 01 (một) ngày kể từ ngày được ban hành, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo cho Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện.
  - c. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty;
  - d. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị;
  - e. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc: Hàng quý, Hội đồng quản trị kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện;
  - f. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị;
  - g. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trong thời hạn 01 (một) giờ, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:
    - Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
    - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
    - Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.

Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê

và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc

- h. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác:

a. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá Hội đồng quản trị kết hợp với đánh giá hoạt động các Tiểu ban và đánh giá từng thành viên Hội đồng quản trị. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm;
- Tiêu chí đánh giá thể hiện qua các khía cạnh:
  - + Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
  - + Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị;
  - + Số cuộc họp của Hội đồng quản trị, của các Ủy Ban và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
  - + Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
  - + Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;
  - + Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
  - + Xây dựng chính sách thù lao cho Hội đồng quản trị;
  - + Các chính sách mới được phát triển và ban hành.
- Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của Hội đồng quản trị để đánh giá công tác của Hội đồng quản trị hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.
- Việc đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thông qua: Tự đánh giá bởi bản thân thành viên Hội đồng quản trị; và Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên Hội đồng quản trị với sự phối hợp của một bên thứ ba. Bên thứ ba có thể là cố vấn pháp lý hoặc một nhà tư vấn chuyên nghiệp được quyết định tại từng thời điểm.

b. Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện đánh giá từng Kiểm soát viên. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm
- Tiêu chí đánh giá thể hiện qua các khía cạnh:
  - + Tần suất và hiệu quả kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nội bộ;

- + Tàn suất và hiệu quả giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty; đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty;
  - + Tàn suất và hiệu quả cung cấp thông tin phản hồi cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện các kiến nghị kiểm tra, phúc tra thường xuyên và đột xuất, trực tiếp tại chỗ và từ xa;
  - + Kết quả phát hiện những tồn tại, bất cập và kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, quy chế, quy định nội bộ nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Việc đánh giá hoạt động Kiểm soát viên được thực hiện thông qua: Tự đánh giá bởi bản thân của Kiểm soát viên; và Đánh giá kín lẩn nhau giữa các Kiểm soát viên với sự phối hợp của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban kiểm soát về kết quả các kiến nghị kiểm tra, kiểm toán nội bộ.
- c. Tổng Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác
- Hội đồng quản trị xây dựng các tiêu chuẩn và đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là Tổng Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác.
  - Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.
  - Hội đồng quản trị thực hiện việc đánh giá Tổng Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác dựa trên các tiêu chí sau:
    - + Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;
    - + Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao và năng lực, dựa trên các tiêu chí: Trách nhiệm “Cẩn trọng”; Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”; Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”; Bốn phạm vi “Chăm lo và trung thành”.
    - + Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao, dựa trên các tiêu chí: Chất lượng lãnh đạo và chất lượng quản lý; Chất lượng cá nhân; Kiến thức và kỹ năng; Mối quan hệ với các thành viên của Ban điều hành; Mối quan hệ với nhân viên; Mối quan hệ với cộng đồng.
  - Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đánh giá các Người điều hành doanh nghiệp khác.
  - Việc đánh giá này được thực hiện theo hai (02) giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý trực tiếp đánh giá. Đối với Người điều hành doanh nghiệp khác, Hội đồng quản trị còn dựa vào kết quả đánh giá giám sát của Tổng Giám đốc.
3. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị Công ty và người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác được thực hiện theo Quy chế quản lý phần vốn và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

## **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Freco Việt Nam bao gồm sáu (06) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2024.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị nội bộ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nguyễn Việt Hưng**

PHỤ LỤC: CĂN CỨ BAN HÀNH, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN FRECO VIỆT NAM (TAB)

STT	NỘI DUNG	CĂN CỨ BAN HÀNH	NGÀY, THÁNG, NĂM
1	Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/10/2023	29/10/2023
2	Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung lần 01	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024	25/04/2024

